

Bản án số: 22A/2020/HS-PT

Ngày: 18/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các thẩm phán: Ông Hà Văn Nâu

Ông Nguyễn Gia Lương.

- Thư ký phiên tòa:Bà Lê Thị Tố Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:Bà Lâm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 327/TLPT-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Văn L và Phạm Văn L1 do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn L1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 183/2019/HSST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên **Phạm Văn L**, sinh năm 1975. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố số 3, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 4/12. Họ và tên bố: Phạm Ngọc L, đã chết. Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị C, đã chết. Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là thứ bảy. Vợ: Đỗ Thị H, sinh năm 1979. Có 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2009). Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Bản án số 93/1993/HSST ngày 14/12/1993, Tòa án nhân dân thị xã B xử 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”;

+ Tại Bản án số 46/1996/HSST ngày 15/5/1996, Tòa án nhân dân thị xã B xử 18 tháng tù về tội “Tổ chức dùng chất ma túy”;

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/5/2019; đến ngày 08/10/2019 thì được bảo lãnh, hiện đang tại ngoại. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Phạm Văn L1**, sinh năm 1973. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố số 4, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 6/12. Họ và tên bố: Phạm Văn L, đã chết. Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị C, đã chết. Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là thứ sáu. Vợ: Nguyễn Thị U, sinh năm 1982. Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007). Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Bản án số 03/1992/HSST ngày 21/01/1992, Tòa án nhân dân thị xã B xử 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”;

+ Tại Bản án số 12/1993/HSST ngày 24/02/1993, Tòa án nhân dân thị xã B xử 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 03/1992/HSST ngày 21/01/1992, buộc chấp hành hình phạt chung là 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/5/2019, hiện đang tại ngoại.(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng do không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn L1 sinh năm 1973 trú tại Tổ dân phố số 4, phường M, thành phố B và anh Hoàng Văn T sinh năm 1969 trú tại thôn T, xã T, thành phố B cùng ông Dương Văn T1 sinh năm 1965 trú tại số 1, ngõ 46, đường V, phường T, thành phố B đều làm nghề lái xe ôm, thường xuyên đón khách tại khu vực Bệnh viện nội tiết tỉnh Bắc Giang thuộc thôn T, xã T, thành phố B. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 07/12/2018, trong lúc L1, anh T và ông T1 chờ khách đi xe ôm thì anh T có trêu đùa ông T1 tại sân Bệnh viện nội tiết tỉnh Bắc Giang bằng cách dùng tay ấn vào đầu ông T1. L1 thấy vậy có nói “anh T1 già đầu rồi mà để nó ấn đầu xuống”. Nghe L1 nói vậy thì anh T phản ứng dẫn đến giữa L1 và anh T xảy ra cãi, chửi, thách thức đánh nhau. Khi cả hai đi ra ngoài cổng Bệnh viện, anh T đâm vào mặt L1 khoảng 2 đến 3 cái thì bị L1 dùng 1 chiếc tuốc nơ vít gài ở xe mô tô của L1 đánh lại, nhưng không gây thương tích gì cho anh T. Lúc này, anh T chạy vào quán nước của anh Lê Quang P sinh năm 1987 trú tại số 11, khu T, phường L, thành phố B ở gần đó lấy 1 đoạn cán ô hình trụ tròn làm bằng kim loại dài 1 mét, đường kính 3cm để đánh L1, anh P có can ngăn nhưng L1 và anh T vẫn đuổi đánh nhau. Do không đánh lại được anh T, nên L1 đã vứt chiếc tuốc nơ vít, đồng thời nhặt 1 tấm gỗ ép có ghi chữ “Xe ôm” ở gần đó để che, đỡ, tuy nhiên anh T vẫn tiếp tục dùng đoạn cán ô trên đánh L1 khiến L1 phải vứt tấm gỗ ép để bỏ chạy về phía Bệnh viện ung bướu tỉnh Bắc Giang. Anh

T không đuổi theo L1 mà vào quán nước của anh P ngồi uống nước. Thấy L1 bị chảy máu ở mặt thì ông T1 có gọi điện thoại cho anh trai L1 là Phạm Văn L2, sinh năm 1971 trú tại Tổ 4, phường M, thành phố B lúc này đang ở khu vực Hiệu sách nhân dân tỉnh Bắc Giang để thông báo sự việc. Sau khi nhận điện thoại của ông T1, L2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 98B2- 671.08 của mình đi sang Bệnh viện nội tiết. Khi đi qua nhà chị gái là bà Phạm Thị L3, sinh năm 1968 trú tại số 224, đường T, phường M, thành phố B thì L2 nhìn thấy em trai là Phạm Văn L, sinh năm 1975 trú tại Tổ dân phố số 3, phường M, thành phố B đang sửa ống nước tại đây. Gặp nhau, L2 thông báo sự việc L1 bị đánh thì L bảo L2 cho đi cùng sang Bệnh viện nội tiết, L2 đồng ý. Sau đó, L2 nhặt 1 con dao dạng đao, lưỡi đao bằng kim loại dài 34cm, chuôi bằng kim loại màu vàng dài 49cm, L nhặt 1 con dao dạng dao phay dài khoảng 45cm, bản dao rộng khoảng từ 4cm đến 5cm, chuôi bằng gỗ dài khoảng 10cm đều ở gốc cây trước cửa nhà chị L3. Khi đi đến trước cổng Bệnh viện ung bướu tỉnh Bắc Giang, L2 lái xe mô tô chở L ngồi sau thì nhìn thấy L1 bị chảy máu ở mặt và đang chạy về phía cổng Bệnh viện nội tiết; trên tay L1 lúc này đang cầm 1 đoạn cán ô hình trụ tròn làm bằng kim loại dài 1 mét, đường kính 3cm, cách đầu cán ô một đoạn 4cm có hàn chốt ngang bằng kim loại hình tròn dạng dẹt đường kính chốt 3cm. Khi cả ba anh em L2 cùng đi đến trước cổng Bệnh viện nội tiết, L2 hỏi L1 làm sao bị đánh thì L1 trả lời “Vừa bị thằng T và thằng P đánh”, đồng thời chỉ tay về phía anh T và anh P đang ở quán nước của anh P. Nghe thấy vậy, L cầm dao phay bằng tay phải đi đến vị trí anh T đang ngồi và hỏi lý do anh T đánh L1 thì anh T trả lời với giọng thách thức. L dùng dao chém 1 nhát theo chiều từ trên xuống dưới trúng vào đầu anh T làm anh T bị thương chảy máu, anh P thấy vậy thì bỏ chạy, nhưng bị L1 đuổi theo dùng cán ô kim loại cầm bằng tay phải đập 1 nhát vào vùng mặt, anh P giơ tay ra đỡ, túm được cán ô giằng nhau với L1. Lúc này, L dùng sòng dao chém 02 nhát vào cẳng chân trái và 01 nhát vào cánh tay trái làm anh P bị thương phải buông cán ô đang giằng nhau với L1. Sau khi giằng được cán ô, L1 cầm một đầu cán ô bằng tay phải, phần không có chốt ngang quay sang anh T lúc này vẫn đang đứng ở đây đập 1 phát theo chiều ngang trúng vào bàn tay bên phải của anh T làm anh T bị thương. Sau đó được quần chúng can ngăn nên L, L1 không đánh anh T, anh P nữa. L2 chở L, L1 đi về còn anh T và anh P được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang. Ngày 08/12/2018, anh Hoàng Văn T và anh Lê Quang P có đơn trình báo Công an thành phố B.

Ngay sau khi nhận được tin báo, Cơ quan điều tra đã khám nghiệm hiện trường, thu giữ 01 chiếc xăng, 2 ống kim loại đều dài 1 mét, đường kính 3 cm, trong đó 1 ống bị cong vênh, 1 ống bắm dính chất màu nâu đỏ dạng quệt, chùi và 1 tấm gỗ ép kích thước (0,92x0,68x0,15)m trên có 3 vết vỡ, lõm gỗ. Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn L khai đã vút con dao gây án ở ven đường, Cơ quan điều tra đã rà soát, truy tìm nhưng không thu hồi được.

Ngày 07/12/2018, Cơ quan điều tra tạm giữ của Phạm Văn L1 01 ống kim loại hình tròn màu nâu dài 1 mét, đường kính 3cm, tại vị trí cách đầu ống 4cm có một chốt ngang thân ống bằng ren xoáy, đầu thanh chốt ngang làm bằng kim loại hình

tròn dạng bẹt đường kính 3 cm; tạm giữ của Phạm Văn L2 chiếc xe mô tô L2 dùng để chở L đi sang Bệnh viện nội tiết tỉnh Bắc Giang.

Ngày 27/01/2019, Phạm Văn L2 tự nguyện giao nộp 01 thanh đao có chiều dài 83cm, lưỡi đao làm bằng kim loại dài 34cm, chỗ rộng nhất bản lưỡi đao 10cm, chuôi đao bằng kim loại màu vàng dài 49cm.

Anh Hoàng Văn T được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang điều trị từ ngày 07/12/2018 đến ngày 21/12/2018 thì ra viện. Tại giấy chứng nhận thương tích ngày 08/01/2019, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang xác nhận tình trạng thương tích của anh T lúc vào viện như sau: Vết thương tự do đỉnh phải, kích thước (10x3)cm, lộ diện vỡ xương sọ kích thước (5x3)cm, gãy xương đốt I ngón 2, 3 bàn tay phải, vết thương xây sát vùng lưng. Ngày 10/7/2019, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang có giấy chứng nhận thương tích cấp lại lần 2 sau khi đã được chỉnh sửa bổ sung tổn thương của anh T với nội dung ngoài những thương tích ghi trong giấy chứng nhận thương tích cấp ngày 08/01/2019, còn bổ sung thêm vết thương kích thước xấp xỉ 1,5cm tại mặt gấp đốt 2 ngón 4 bàn tay phải.

Anh Lê Quang P được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang điều trị từ ngày 07/12/2018 đến ngày 10/12/2018 thì ra viện. Tại giấy chứng nhận thương tích ngày 08/01/2019, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang xác nhận tình trạng thương tích của anh P lúc vào viện như sau: Vết thương gan bàn tay phải, kích thước (6x2)cm, đứt gân gấp sâu ngón 2, vết thương cung mào trái kích thước 2cm. Ngày 10/7/2019, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang có giấy chứng nhận thương tích cấp lại lần 2 sau khi đã được chỉnh sửa bổ sung tổn thương của anh P với nội dung ngoài những thương tích ghi trong giấy chứng nhận thương tích cấp ngày 08/01/2019, còn bổ sung thêm vết thương 1 vết xước mặt sau cẳng chân trái kích thước 3,5cm, sưng nề xung quanh.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 8644/19/TgT ngày 11/01/2019, Trung tâm Pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận đối với thương tích của anh P:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Thương tích vết sẹo cung mào trái: **2%**.
- Thương tích chàm thương vùng mặt và sống mũi không còn dấu vết: **0%**.
- Thương tích vết sẹo gan bàn tay phải + Đứt gân gấp sâu ngón 2 + Khám thần kinh, vận động: Vận động ngón tay bàn tay phải ảnh hưởng đến động tác gấp duỗi ngón tay mức độ ít + X-Quang: Gãy đốt 1 ngón V bàn tay phải: **8%**

2. Kết luận: Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: **10%**.

3. Kết luận khác:

- Cơ chế hình thành thương tích:

+ Các thương tích: Vết sẹo cung mày trái, chàm thương mặt và sống mũi do vật tày gây nên;

+ Thương tích vết sẹo gan bàn tay phải do vật sắc gây nên.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 8645/19/TgT ngày 11/01/2019, Trung tâm Pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận đối với thương tích của anh T:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Thương tích vết sẹo vùng đỉnh phải + Khuyết xương sọ vùng đỉnh phải đường kính ngang 1,3cm, đáy chắc + CT sọ não: Vỡ xương thái dương đỉnh phải: **19%**.

- Thương tích vết sẹo mổ đốt 1 ngón 2 bàn tay phải + gãy đốt I ngón II bàn tay phải, đã kết hợp xương bằng nẹp vít, trục thẳng: **3%**

- Thương tích vết sẹo mổ đốt 1 ngón 3 bàn tay phải + gãy đốt I ngón III bàn tay phải, đã kết hợp xương bằng nẹp vít, trục thẳng: **3%**

- Thương tích vết sẹo nông vùng thắt lưng kích thước (4x0,1)cm: **1%**

- Thương tích vết sẹo nông vùng thắt lưng kích thước (10x0,1)cm: **1%**

2. Kết luận: Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: **25%**.

3. Kết luận khác:

- Cơ chế hình thành thương tích:

+ Thương tích vết sẹo vùng đỉnh phải do vật sắc gây nên.

+ Các thương tích: Hai vết sẹo nông vùng thắt lưng và gãy đốt I ngón II, III bàn tay phải không xác định được vật gây thương tích”.

Ngày 17/7/2019, Cơ quan điều tra có quyết định trưng cầu Trung tâm Pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang giám định bổ sung tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể và cơ chế hình thành thương tích đối với 01 vết thương kích thước xấp xỉ 1,5cm tại mặt gấp đốt 2 ngón 4 bàn tay phải của anh Hoàng Văn T, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh T bao gồm cả những thương tích đã được giám định và thương tích giám định bổ sung; mẫu vật gửi giám định là ống kim loại hình tròn có thể gây được những thương tích nào cho anh T. Tại Kết luận giám định pháp y bổ sung số 8978/19/TgT ngày 19/7/2019, Trung tâm Pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Thương tích vết sẹo mặt gấp đốt 2 ngón IV bàn tay phải: **1%**.

2. Kết luận: Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể bổ sung do thương tích gây nên hiện tại là: **1%**.

3. Kết luận khác:

- Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích do vật cứng gây nên.
- Tổng tỷ lệ tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên hiện tại là: $25\% + 1\% = 26\%$.

- Mẫu vật gửi giám định gây được các thương tích: Hai vết sẹo nông vùng thắt lưng; thương tích các ngón II, III, IV của anh Hoàng Văn T.

Ngày 15/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã bắt tạm giam đối với Phạm Văn L.

Quá trình điều tra, chị Phạm Thị L3 là chị gái Phạm Văn L1 và chị Đỗ Thị Hoa sinh năm 1979 trú tại Kiốt số 05, Tổ dân phố số 3, phường M, thành phố B là vợ bị cáo Phạm Văn L đã tự nguyện bồi thường cho anh Lê Quang P số tiền 20.000.000 đồng, bồi thường cho anh Hoàng Văn T số tiền 10.000.000 đồng; đến nay anh P không yêu cầu bồi thường gì khác, anh có đơn từ chối giám định thương tích bổ sung và đơn xin rút yêu cầu khởi tố, xử lý hình sự đối với Phạm Văn L và Phạm Văn L1; anh T tiếp tục đề nghị được bồi thường số tiền còn lại là 18.427.732 đồng.

Quá trình xô sát, đánh nhau, Phạm Văn L1 cũng bị thương tích tại cung lông mày trái. Kết luận giám định pháp y của Trung tâm Pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang ngày 11/01/2019 kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Phạm Văn L1 là 2%, thương tích do vật sắc gây nên. Theo L1 trình bày, vết thương này là do anh Hoàng Văn T dùng dao gọt hoa quả lấy tại quán nước của anh P gây nên, nhưng anh T không thừa nhận việc này. Cơ quan điều tra đã T1 hành cho đối chất lần lượt giữa L1 với anh T, anh P và ông Dương Minh T1. Kết quả, anh T, anh P và ông T1 đều khẳng định không có việc anh T dùng dao gọt hoa quả gây thương tích cho L1 như L1 khai.

Đối với hành vi của Phạm Văn L2 lấy 01 con dao dạng đao và dùng xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 98B2- 671.08 của L2 chở L sang Bệnh viện nội tiết tỉnh Bắc Giang, sau đó có việc L đánh nhau gây thương tích cho anh T và anh P. Quá trình điều tra đã làm rõ chiếc xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của anh L2, anh L2 không bàn bạc, thống nhất, xúi giục hay giúp sức L1 và L đánh nhau, bản thân anh không tham gia vào việc đánh nhau, nên anh L2 không vi phạm pháp luật. Ngày 19/9/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh L2.

Đối với vật chứng của vụ án gồm: 1 chiếc xẻng dài 1,15 mét, cán bằng gỗ dài 0,9 mét, lưỡi làm bằng kim loại kích thước (22x23)cm, quá trình điều tra đã xác định được là trong quá trình bị đuổi đánh, anh T có điện thoại cho vợ anh là chị Nguyễn Thị Lộ đang làm việc tại căng tin của Bệnh viện nội tiết để thông báo sự việc. Chị Lộ lúc này có cầm 1 chiếc xẻng từ căng tin ra để tại hiện trường vụ án, nhưng không tham gia đánh nhau với ai; 2 ống kim loại đều dài 1 mét, đường kính 3 cm; 01 ống kim loại hình tròn màu nâu dài 1 mét, đường kính 3cm, tại vị trí cách đầu ống 4cm có một chốt ngang thân ống bằng ren xoáy, đầu thanh chốt ngang làm bằng kim loại hình tròn dạng bẹt đường kính 3 cm; 1 tấm gỗ ép kích thước (0,92x0,68x0,15) mét

trên có 3 vết vỡ, lõm gỗ; 1 con dao dạng đao dài 83cm, lưỡi đao bằng kim loại dài 34cm, chuôi bằng kim loại màu vàng dài 49cm, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 183/2019/HSST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

1- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L1, Phạm Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Văn L 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian đã tạm giữ tạm giam từ ngày 15/5/2019; đến ngày 08/10/2019)

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Văn L1 02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 29/11/2019, bị cáo Phạm Văn L kháng cáo; ngày 03/12/2019 bị cáo Phạm Văn L1 có đơn kháng cáo cùng nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt và giảm bồi thường.

Tại phiên toà phúc thẩm: Các bị cáo L và L1 rút một phần kháng cáo đề nghị giảm bồi thường dân sự, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo L trình bày: Hành vi phạm tội như án sơ thẩm nêu là đúng, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng, trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường cho anh T 9.500.000đ. Bị cáo L1 trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng, anh T đánh bị cáo trước, trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã bồi thường cho anh T 6.700.000đ.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà có quan điểm: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS cho các bị cáo L và L1, áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo L1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 BLTTHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo L và L1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L và L1, đề nghị xử phạt bị cáo L 02 năm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo L1 01 năm 03 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn L1 nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy đủ cơ sở xác định:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 07/12/2018 tại khu vực trước cổng Bệnh viện nội tiết tỉnh Bắc Giang thuộc thôn T, xã T, thành phố B, Phạm Văn L và Phạm Văn L1 đã cùng có hành vi dùng hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho anh Hoàng Văn T sinh năm 1969 trú tại thôn T, xã T, thành phố B. Trong đó, L dùng dao chém 01 nhát trúng vào đầu anh T, L1 dùng cán ô bằng kim loại đập 01 phát trúng vào bàn tay phải anh T. Hậu quả anh T bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 26%. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo L1 không thừa nhận hành vi gây thương tích cho anh T ở vùng thắt lưng, bị cáo xác định chỉ vụt một nhát vào tay anh T như cáo trạng truy tố. Người bị hại là anh T tại phiên tòa cũng xác định anh có bị thương tích ở vùng lưng nhưng ai gây ra cho anh thì anh không biết, do tỷ lệ thương tích nhỏ và không ảnh hưởng gì nên anh không có ý kiến gì và xin rút yêu cầu, không đề nghị xem xét đối với thương tích của anh ở vùng thắt lưng đối với các bị cáo. Do vậy không có căn cứ gì xác định thương tích ở vùng thắt lưng của anh T do các bị cáo gây ra nên đại diện Viện kiểm sát rút truy tố đối với thương tích 2% ở vùng lưng của anh T, đề nghị truy tố đối với các bị cáo với tỷ lệ thương tích của anh T là 24% sức khỏe là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn L , Phạm Văn L1 về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn L , Phạm Văn L1 thì thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường sức khỏe của người khác, không tuân thủ nguyên tắc sống trong xã hội. Gây mất trật tự trị an tại địa P. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng tuy nhiên cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử về hành vi vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa cho bản thân. Do vậy cần phải có mức án nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, biết tuân thủ pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó, cần áp dụng cho cả hai bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo L đã bồi thường cho anh T 9.500.000đ, bị cáo L1 đã bồi thường cho anh T 6.700.000đ. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS Hội đồng xét xử phúc thẩm cần áp dụng cho các bị cáo. Bị

cáo L1 giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, như vậy có căn cứ áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo L1 để xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ trừng trị, giáo dục bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đối với việc rút một phần kháng cáo của các bị cáo L, L1 về việc không đề nghị xem xét giảm bồi thường dân sự nữa, Hội đồng xét xử thấy việc rút một phần kháng cáo này của các bị cáo hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, và không liên quan đến phần kháng cáo khác, do vậy căn cứ khoản 3 Điều 342 BLTTHS, HĐXX đình chỉ xét xử phần kháng cáo về giảm bồi thường dân sự này.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, do kháng cáo của bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn L1 được chấp nhận nên các bị cáo L, L1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn L1 xin giảm nhẹ phần trách nhiệm dân sự. Bản án hình sự sơ thẩm số 183/2019/HSST ngày 22/11/2019 của TAND thành phố B, tỉnh Bắc Giang có hiệu lực pháp luật về phần trách nhiệm dân sự.

[2]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn L1. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn L **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian đã tạm giữ tạm giam từ ngày 15/5/2019; đến ngày 08/10/2019)

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn L1 **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù** về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn L1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Anh Hoàng Văn T được quyền nhận số tiền 6.000.000đ và 3.500.000đ tại biên lai thu tiền số: AA/2015/0000194 ngày 17/02/2020 và số: AA/2015/0000196 ngày

18/02/2020 của Chi cục thi hành án thành phố B do bị cáo Phạm Văn L nộp để bồi thường.

Anh Hoàng Văn T được quyền nhận số tiền 4.200.000đ và 2.500.000đ tại biên lai thu tiền số: AA/2015/0000193 ngày 17/02/2020 và số: AA/2015/0000197 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án thành phố B do bị cáo Phạm Văn L1 nộp để bồi thường.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung